TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: **48/**2022/QĐST-HNGĐ	*Na Hang, ngày 11 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2022, giữa:

- Chị **Bàn Thị S**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh T.

- Anh **Bàn Văn P**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy đ ịnh về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bàn Thị S và anh Bàn Văn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là cháu Bàn Thu D, sinh ngày 24/10/2015 cho chị Bàn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao 02 con chung là cháu Bàn Thị Hương T, sinh ngày 30/4/2007 và Bàn Thu T, sinh ngày 15/3/2009 cho anh Bàn Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Bàn Thị Hương T là 500.000 đồng/tháng; cấp dưỡng đối với cháu Bàn Thu T là 500.000 đồng/tháng; thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9/2022

cho đến khi cháu Bàn Thị Hương T và cháu Bàn Thu T đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng định kỳ vào ngày 20 hàng tháng. Anh Bàn Văn P không phải cấp dưỡng đối với cháu Bàn Thu D.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn cho chị Bàn Thị S và anh Bàn Văn P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Mạnh Hồng